

B NG T NG K TK T QU H CT P N ấ M H C 2012-2013 - L N CU I
(L y k t qu ấ m thi l n cu i)

L p h c: 35CTN2

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

B c: Cao L ng ch ấ nh quy

STT	M í S	H V i T ấ N	ấ M TBC	XLHT	ấ M R ấ N LUY N	S MĐN < 5	K LU T	X ấ T THEO QUY CH	Q ấ C ấ H ấ ấ NG	ấ ng l i c ấ m ng c ấ h ng CSVN	Gi ấ d c qu c ph ấ ng 1 (ấ ng l i qu ấ n s c ấ ấ ng)	Gi ấ d c qu c ph ấ ng 2 (Công t ấ c qu c ph ấ ng)	Gi ấ d c qu c ph ấ ng 3 (K ấ thu t v ấ ch n ấ thu t b ấ nh)	K ấ o n ng n h ấ ng	K ấ o n ấ ch ấ nh	K ấ m ấ n	K ấ nh t qu c t	Marketing c ấ b n	T ấ ch ấ nh doanh nghi p	T ấ ch ấ nh h c	T ấ n ấ ấ ng ấ h ấ ng	T ấ t ng H ấ M ấ nh	Th ấ nh t o n qu c t	Th t ng ấ ch ấ nh	Th ng k ấ doanh nghi p	Th c t p c b n
										3	2	2	5	4	4	3	2	3	4	2	2	2	2	3	2	4
1	3572050901	L ấ C ấ ng Tu n Anh	3.26	Kém	65					1.7	7.0	8.0	7.0	1.8	2.7	2.3	4.2	7.2	1.7	3.5	3.1	3.4	1.8	1.5	4.8	6.5
2	3572050902	Phan Tu n Anh	5.18	TB	68					5.5	8.0	8.0	7.0	5.5	2.8	6.0	4.9	7.0	3.5	6.4	4.0		6.7	5.9	7.3	7.0
3	3572050087	Nguy n Ng c B o	5.68	TB	68					3.6	8.0	8.0	8.0	5.8	5.5	5.8	3.9	7.7	3.9	6.5	3.4	5.3	6.0	5.9	6.5	8.5
4	3572050903	Huunh Kim B ồ ng	6.97	TB khá	90					7.3	4.0	7.0	8.0	6.7	6.3	6.8	5.9	6.3	6.9	7.5	5.6	6.7	7.9	7.7	7.8	8.0
5	3572050138	Tr n Nam Công	6.85	TB khá	90					7.2	8.0	8.0	7.0	6.8	5.3	6.7	5.1	7.4	4.7	7.2	5.4	7.7	9.3	8.6	6.9	8.5
6	3572050393	Nguy n Th Di m	7.43	Khá	90					6.7	8.0	8.0	9.0	6.9	8.4	6.7	7.4	7.2	6.0	6.6	7.5	7.3	7.7	8.3	9.1	8.5
7	3572051342	Phan Th Ph ng Dung	5.37	TB	68					6.2			7.0	6.8	2.6	5.8	3.3	6.5	3.1	5.6	3.4	5.3	7.3	6.6	4.8	7.5
8	3572050159	ấ Ng c Duy	6.10	TB khá	73					6.3	8.0	8.0	7.0	7.7	3.9	7.3	5.6	6.3	3.3	7.0	4.6	5.3	7.3	8.2	6.2	7.0
9	3572050144	Nguy n Th Kim Em	7.40	Khá	90					7.1	4.0	7.0	8.0	6.9	9.6	8.1	6.7	6.2	6.6	7.1	5.0	8.0	7.4	7.8	7.8	8.0
10	3572051357	Ph m Th Ng c Giàu	7.48	Khá	90					7.6	4.0	7.0	8.0	6.9	8.7	7.4	6.8	6.2	7.1	7.5	7.0	7.6	8.7	8.3	6.3	8.0
11	3572050312	ấ inh Th Thu H nh	7.86	Khá	90					7.7	8.0	8.0	9.0	8.3	7.9	7.3	7.2	7.9	6.5	7.1	7.4	9.0	8.0	8.4	8.1	9.0
12	3572050300	L ng Th M H nh	7.15	Khá	90					7.2	4.0	8.0	9.0	6.2	7.0	6.7	5.5	7.9	6.9	7.3	5.9	7.0	9.0	8.2	6.0	8.5
13	3572050900	Huunh Th Thu H ng	6.16	TB khá	70					4.0	4.0	8.0	8.0	6.9	5.2	6.3	4.7	6.9	4.2	6.6	4.1	7.0	7.6	6.9	7.5	8.5
14	3572050894	Nguy n Ng c Di m Hân	6.46	TB khá	70					6.3	8.0	7.0	8.0	6.5	6.4	6.3	6.8	6.4	5.4	6.0	4.9	5.2	8.3	6.9	5.5	8.5
15	3572050072	Tr n Th Thu Hi n	8.10	Gi i	93					7.4	8.0	8.0	9.0	8.0	9.2	7.4	6.1	8.2	7.5	7.8	9.4	8.3	9.6	8.4	6.3	9.0
16	3572050933	Nguy n V ấ Nh Hi p	7.80	Khá	90					7.1	7.0	7.0	7.0	7.6	7.5	7.4	9.7	6.5	8.1	6.3	8.3	8.6	7.6	9.2	6.8	8.5
17	3572051460	Huunh Minh Hi u	6.60	TB khá	68					4.0	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	8.0	6.3	6.1	7.8	8.0	5.4	3.9	8.4	5.6	8.6	6.5
18	3572050057	L ấ m Th Minh Hi u	6.46	TB khá	79					6.8	7.0	8.0	7.0	6.8	5.5	5.9	4.9	7.2	5.6	5.9	5.0	5.3	7.3	8.5	6.4	8.0
19	3572050943	Mai Th ấ i H p	7.83	Khá	90					7.7	8.0	8.0	7.0	8.2	6.7	7.3	8.0	8.2	6.0	7.7	8.2	8.0	9.6	8.7	8.4	8.5
20	3572050245	V H ấ Th Hu	7.56	Khá	98					5.6	8.0	8.0	9.0	8.3	7.3	7.4	5.8	8.0	7.1	6.6	8.7	7.0	9.2	8.6	7.0	8.5
21	3572050898	Nguy n Ng c Ph ng Huy n	5.22	TB	75					5.0	8.0	8.0	9.0	5.5	3.9	6.6	4.9	5.9	3.5	5.6	4.6	6.7	0.0	5.4	5.4	8.5
22	3572050905	Nguy n Th Huy n	8.28	Gi i	93					6.7	8.0	7.0	7.0	8.9	9.1	8.0	8.0	7.0	9.2	7.8	7.2	7.7	8.3	9.1	9.0	8.5
23	3572050350	Nguy n Th Quunh H ng	5.66	TB	70					5.5	7.0	7.0	7.0	7.4	4.2	6.5	4.2	5.5	3.2	6.6	3.1	6.3	7.6	6.4	5.0	7.5
24	3572050380	Nguy n Th Ng c Ki u	6.78	TB khá	70					4.6	7.0	7.0	8.0	6.9	6.9	7.9	6.6	6.9	5.1	7.3	3.7	7.9	8.0	7.9	6.3	8.5
25	3572050899	L ấ Th C m Linh	5.94	TB	70					6.9	4.0	8.0	8.0	6.7	4.8	6.5	5.9	6.8	4.3	6.7	3.3	4.0	7.3	5.2	4.8	8.5
26	3572051704	Ph m Th ấ nh Linh	7.11	Khá	93					6.5	8.0	7.0	7.0	7.7	4.2	6.0	7.3	7.2	8.9	6.7	7.6	7.0	7.9	8.9	6.1	7.5
27	3572050046	Phan Th Mai Loan	7.80	Khá	93					7.9	8.0	8.0	7.0	8.4	7.3	6.6	7.9	7.5	8.0	7.8	6.7	7.3	7.9	8.4	8.3	8.5
28	3572050395	Lê Huy Hoàng Long	6.40	TB khá	98					6.9	8.0	8.0	9.0	7.6	5.5	7.9	4.6	5.8	4.6	5.8	3.5	6.4	7.7	7.5	5.5	8.5
29	3572051381	Lê Lê Na	7.73	Khá	90					6.4	8.0	8.0	8.0	6.5	9.3	7.4	7.4	8.0	7.9	7.0	6.8	8.3	7.6	8.6	7.5	8.5
30	3572050051	V ấ Th Kim Ngân	6.47	TB khá	77					6.1	8.0	8.0	7.0	7.7	5.0	6.6	5.6	7.0	4.0	6.3	4.7	6.0	8.3	8.8	6.3	8.0
31	3572050344	H ấ Th M ng Nghi	6.21	TB khá	100					7.6	7.0	7.0	8.0	6.4	3.1	5.8	4.0	6.7	6.0	7.1	3.7	5.3	8.7	8.4	5.7	8.0
32	3572050197	Phan Th Ngh ấ	7.03	Khá	90					6.6	7.0	8.0	7.0	8.0	6.2	7.4	5.3	7.2	6.2	7.3	5.8	7.0	8.3	8.1	6.2	8.0
33	3572050328	Nguy n Huy Nghiêm	6.15	TB khá	70					5.5	8.0	8.0	7.0	7.2	5.6	8.0	3.5	6.6	5.6	6.2	3.3	5.7	6.2	8.0	6.2	6.5

STT	Mí S	H Vì TcN		hĩ M TBC	XLHT	hĩ M RČNLUY N	S MBN < 5	K LU T	XcT THEO QUY CH	Qũ C AH Iũ NG	Th c t p c b n																
											ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN	ĩ ng l i c'ch m ng c a ã ng CSVN		
34	3572051707	Nguy n Nguy n Th o	Nhi	7.00	Khá	88					7.1	7.0	8.0	9.0	7.5	5.7	6.6	5.9	7.9	6.0	6.6	6.8	7.0	8.7	7.2	6.4	8.5
35	3572051718	Ph m Th B'ch	Ph ng	6.16	TB khá	74					7.4	7.0	6.0	7.0	7.0	1.9	7.4	7.8	7.4	5.4	7.1	4.8	5.7	6.0	6.7	5.8	7.0
36	3572050272	Tr nh Vinh	Quang	6.63	TB khá	70					6.4	7.0	8.0	7.0	6.3	4.6	7.3	6.3	7.3	5.4	7.0	6.9	6.7	7.3	7.4	6.2	8.5
37	3572050193	Châu Minh	Tâm	5.78	TB	65					6.6	4.0	7.0	8.0	4.8	4.0	6.6	4.9	5.3	3.0	7.6	4.7	5.4	8.7	8.2	6.7	7.0
38	3572051442	hĩ Ho@ng	Tâm	5.37	TB	70					4.1	8.0	8.0	7.0	6.8	2.9	5.9	4.2	7.2	4.4	5.6	3.5	4.0	5.0	7.9	5.2	7.0
39	3572050897	Nguy n Th Th y	Tiên	0.00	Kém	40									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
40	3572050390	Huunh L^a m Ng c	Toàn	6.30	TB khá	70					5.3	7.0	7.0	7.0	5.5	6.1	7.4	2.8	6.5	7.2	6.9	3.3	7.0	8.3	7.9	5.5	7.0
41	3572050163	Uông Hoàng	T	6.00	TB khá	75					6.2	7.0	8.0	7.0	7.2	5.3	5.6	5.6	5.0	4.5	5.6	3.6	7.1	8.7	8.0	5.2	6.5
42	3572050276	hĩ inh Ho@ng	Thái	6.63	TB khá	70					4.6	7.0	7.0	7.0	7.4	8.1	7.3	4.2	6.3	5.7	6.6	5.8	6.3	7.6	8.3	6.0	7.0
43	3572050060	Lê Thanh	Th o	6.23	TB khá	75					7.5	7.0	7.0	8.0	6.0	5.3	6.6	3.4	6.7	5.0	7.7	2.3	7.0	8.5	8.5	5.2	7.0
44	3572050203	Tr nh C m	Thi	6.51	TB khá	90					7.2	7.0	8.0	7.0	6.9	5.0	5.9	4.3	6.7	6.5	7.3	4.3	5.3	9.3	7.1	6.5	8.0
45	3572050364	L² H ng	Thu	8.05	Gi i	93					7.7	8.0	8.0	9.0	7.5	7.3	7.4	7.5	7.9	7.8	8.0	8.5	8.7	8.7	9.7	7.4	9.0
46	3572050293	L² Th	Thùy	0.13	Kém	40									0.0	0.0	0.0	2.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
47	3572051705	L² Th Minh	Thùy	7.52	Khá	90					7.6	7.0	7.0	7.0	7.9	7.0	6.7	7.1	7.9	6.9	6.3	7.7	7.4	9.2	8.3	8.3	7.5
48	3572050896	hĩ ng Th Ng c	Trĩm	6.94	TB khá	90					5.2	4.0	7.0	9.0	6.9	7.4	6.6	4.7	7.7	7.1	7.5	4.7	7.7	6.7	9.0	6.0	8.0
49	3572051722	L u Th Quunh	Trâm	6.21	TB khá	68					5.8	4.0	7.0	8.0	6.4	6.7	5.9	3.5	5.6	5.0	7.3	5.5	6.3	8.5	7.8	5.2	7.0
50	3572050124	Kh u Th Huy n	Trân	7.27	Khá	100					4.1	8.0	8.0	10	7.4	6.3	7.3	6.2	7.3	8.6	6.0	6.9	7.4	9.2	8.3	7.5	8.5
51	3572050340	Nguy n Trĩc H nh	Uyên	8.00	Gi i	93					7.9	8.0	8.0	9.0	8.6	8.4	7.4	8.2	6.7	7.4	7.3	7.1	8.3	7.8	8.5	8.7	9.0
52	3572050305	Th ch Th Ng c	Vân	6.28	TB khá	79					5.6	7.0	8.0	7.0	6.7	3.9	6.7	4.7	6.7	6.3	7.5	3.3	6.4	8.4	8.2	6.6	7.0
53	3572050181	Tr nh Th Ng c	Vân	6.16	TB khá	79					7.3	7.0	8.0	7.0	7.0	3.6	6.0	5.0	7.7	3.0	6.1	4.5	6.6	6.3	8.9	6.7	8.0

X p lo i	SL	T l
XU T S C	0	0%
GI I	4	7.55%
KHÁ	15	28.30%
TRUNG BÌNH KHÁ	23	43.40%
TRUNG BÌNH	8	15.09%
Y U	0	0%
KÉM	3	5.66%

TP.HCM, ng@y 25 th`ng 9 nĩm 2013

TR NG KHOA

TP.ĩi O T O

HI U TR NG